TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trung Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà*:* Ông Đoàn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị H2g Thị H1, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: Khu Đồng Tân (Đồng Bài cũ), xã DT, huyện Y, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh H2g Đăng H2, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: Khu 5, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H1 và anh H2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị H2g Thị H1 trình bày: Chị và anh H2g Đăng H2 được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T ngày17/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình chị tại khu Đồng Tân (Khu Đồng Bài cũ), xã DT, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, hôn nhân hòa thuận hạnh phúc được 01

(một) năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H2 có tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2012 thì anh H2 bỏ về quê ở khu 5, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ, sau đó anh H2 đi vào nam làm ăn không cho chị biết địa chỉ cụ thể, hiện nay anh H2 không có mặt ở tại địa phương, anh H2 đi đâu chị không biết địa chỉ cụ thể. Chị đề nghị Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để anh H2 biết được việc chị xin ly hôn để về giải quyết theo quy định của pháp luật.Vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng năm, sáu năm nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể gắn kết nên chị xin được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị H1 xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu H2g Bảo Long, sinh ngày 04/10/2012. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh H2g Đăng H2 trình bày: Anh và chị H1 kết hôn tự nguyện ngày 17/01/2011 tại UBND xã T huyện P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình tại anh khu 5, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ được một tháng thì chuyển về sinh sống cùng gia đình chị H1 tại khu Đồng Tân (Khu Đồng Bài cũ), xã DT, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Đến năm 2021 thì anh có nghe chị gái nói là chị H1 có tình cảm với người đàn ông khác. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị H1 làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Anh H2 xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu H2g Bảo Long, sinh ngày 04/10/2012. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị H1 nuôi con chung vì hiện nay anh đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P tạm giữ để phục vụ công tác điều tra. .

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H1, xử cho chị H2g Thị H1 được ly hôn anh H2g Đăng H2. Về con chung, đề nghị giao con chung cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ

chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị H2g Thị H1 nộp đơn xin ly hôn, giải quyết con chung với anh H2g Đăng H2 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh H2g Đăng H2 có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ, do vậy Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị H1 và anh H2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H2g Thị H1 và anh H2g Đăng H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên xin được ly hôn với anh H2. Qua xác minh tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ có cung cấp cho Tòa án biết như sau: Chị H1 và anh H2 có đăng ký kết hôn tại xã T, anh H2 và chị H1 mỗi người sống một nơi, hiện nay anh H2 không có mặt tại địa phương, anh H2 đi đâu làm gì chính quyền địa phương không nắm được. Hiện nay anh H2 đang bị Công An huyện P truy nã. Nay chị H1 xin ly hôn anh H2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã làm việc với Công An huyện P. Công An huyện P có cung cấp cho Tòa án 01 quyết định truy nã ngày 14/4/2023 đối với H2g Đăng H2 bị khởi tố về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và 01 bản án số 40/2005/HS.ST ngày 4/5/2005 của TAND tỉnh Yên Bái đã xử phạt H2 06 năm tù về 2 tội " Tội cướp tài sản và tội trộm cắp tài sản". Chị H1 có đơn đề nghị Tòa án làm thủ tục thông báo cho anh H2 trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết ly hôn. Ngày 21/4/2023, Tòa án đã ra Công văn số 46/2023/CV-TA về việc đăng tin trên Đài Tiếng nói Việt Nam; Công văn số 47/2023/CV-TA về việc đăng tin trên báo Công lý và Công văn số 48/2023/CV-TA về việc đăng tin trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, thông báo việc giải quyết ly hôn giữa chị H1 và anh H2. Sau khi hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày đăng tin, anh H2 vẫn không có mặt tại Tòa án. Ngày 19/6/2023

Công An huyện P đã bắt được H2, tại bản tự khai ngày 21/6/2023 anh H2 cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nếu chị H1 kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Sau khi xem xét đơn ly hôn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc chị H1 xin ly hôn anh H2 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu H2g Bảo Long, sinh ngày 04/10/2012. Chị H1 xin được nuôi cháu Long và không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại bản tự khai anh H2 cũng nhất trí để chị H1 nuôi cháu Long vì hiện nay anh đang bị tạm giam để điều tra. Cháu Long cũng xin được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cháu Long cho chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H2 không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H1 do chị H1 không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H1, anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên chưa xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H2g Thị H1 được ly hôn với anh H2g Đăng H2.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu H2g Bảo Long, sinh ngày 04/10/2012 chị H2g Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh H2g Đăng H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 vì chị H1 không yêu cầu.

Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H2g Thị H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H1 đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001751 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- UBND T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thị Đào